| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TP. BUÔN MA THUỘT**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 58/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28/5/2019
"V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT – TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phan Đình Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Hữu Long và bà Nguyễn Thị Hồng Lâm.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kiều My – Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk:*** Ông Phạm Đức Lễ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 19/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08/5/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H. Sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Buôn M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Quang V. Sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Đường G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 06/12/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Quang V kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lăk vào ngày 16/5/2013. Sau khi kết hôn,

vợ chồng sống không hạnh phúc, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung khắc, không tôn trọng nhau. Anh V thường chửi bới, lăng mạ chị H. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 đến nay. Nay do tình cảm yêu thương của vợ chồng và hạnh phúc gia đình không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi xin ly hôn anh Đỗ Quang V.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Đỗ Quang V:* Quá trình giải quyết vụ án, anh V đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của bị đơn. Anh V có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống ổn định tại số 33/3 Giải Phóng, phường Tân Thành, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk. Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột và chính quyền địa phương đã nhiều lần tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh V để anh V tham gia tố tụng giải quyết vụ án, nhưng không tống đạt được, nên Tòa án đã niêm yết hợp lệ, nhưng anh V vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh V theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:*

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đỗ Quang V đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H. Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đỗ Quang V.

Về con chung: Chị H, anh V không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Đỗ Quang V đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của bị đơn. Anh V mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh V không tham gia tố tụng đầy đủ để giải quyết vụ án, anh V cố tình vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh V.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Quang V là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị H và anh V kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lăk vào ngày 16/5/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc và có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung khắc, không tôn trọng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 đến nay.

Tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của chị H và anh V ngày 13/3/2019, chính quyền địa phương cung cấp kết quả: Quá trình chung sống, chị H và anh V có xảy ra mâu thuẫn và chị H đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ từ tháng 10 năm 2018 và vợ chồng ly thân từ đó đến nay.

Xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh V tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu của chị H xin được ly hôn anh V là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị H, anh V không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra để giải quyết.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí LHST. Chị H được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí LHST đã nộp theo biên lai số

AA/2017/0011558 ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành Buôn Ma Thuột.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70, Điều 72; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H. Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đỗ Quang V.

[2] Về con chung: Chị H, anh V không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra để giải quyết.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí LHST. Chị H được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí LHST đã nộp theo biên lai số AA/2017/0011558 ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đăk;
- VKSND tỉnh, Tp. BMT;
- THADS Tp. BMT;
- UBND phường Tân Thành, Tp. BMT, tỉnh Đắk Lắk.
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phan Đình Hải**